



jīng cǎi jué lún

精彩绝伦

adjective phrase · absolutely brilliant; superb

Example Sentences

zhè chǎng biǎo yǎn jīng cǎi jué lún

这场表演精彩绝伦。

This performance is absolutely brilliant.

tā de shū fǎ zuò pǐn jīng cǎi jué lún lǐng rén zàn tàn

他的书法作品精彩绝伦，令人赞叹。

His calligraphy works are superb and admirable.

Trace each character, then write the word on your own.

精	精	精	精	精	精	精	精	精	精	精
精	精	精	精	精	精					

彩	彩	彩	彩	彩	彩	彩	彩	彩	彩	彩
彩	彩	彩								

绝	绝	绝	绝	绝	绝	绝	绝	绝	绝	绝
绝										

精彩绝伦